BỘ TÀI CHÍNH

THÔNG TƯ số 84/2004/TT-BTC ngày 18/8/2004 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 120/2003/TT-BTC ngày 12/12/2003 hướng dẫn thi hành Nghị định số 158/2003/NĐ-CP ngày 10/12/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng.

Căn cứ Luật Thuế giá trị gia tăng số 02/1997/QH9 ngày 10/5/1997; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng số 07/2003/QH11 ngày 17/6/2003;

Căn cứ Nghị định số 148/2004/NĐ-CP ngày 23/7/2004 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 158/2003/NĐ-CP ngày 10/12/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng;

Căn cứ Quyết định số 205/1998/QĐ-TTg ngày 19/10/1998 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế về cửa hàng kinh doanh hàng miễn thuế;

Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Thông tư số 120/2003/TT-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính như sau:

1. Bổ sung đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng quy định tại điểm 23, Mục II, Phần A như sau:

Dịch vụ đăng kiểm phương tiện vận tải quốc tế, dịch vụ bảo hiểm cung cấp cho phương tiện vận tải quốc tế, như bảo hiểm thân tầu hoặc thân máy bay, bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ tầu hoặc trách nhiệm dân sự chung đối với máy bay.

Phương tiện vận tải quốc tế là phương tiện có doanh thu về vận tải quốc tế đạt trên 50% tổng doanh thu về vận tải của phương tiện đó trong năm; đối với phương tiện vận tải quốc tế là máy bay thì phải có số giờ bay quốc tế đạt trên 50% tổng số giờ bay của máy bay đó trong năm.

Trường hợp phương tiện vận tải quốc tế do cơ sở kinh doanh vận tải tại Việt Nam khai thác sử dụng, thì hàng năm cơ sở kinh doanh vận tải căn cứ vào doanh thu vận tải quốc tế hoặc giờ bay quốc tế thực tế đạt được năm trước để đăng ký với cơ quan thuế quản lý trực tiếp về danh sách các phương tiện vận tải quốc tế (theo mẫu đăng ký kèm Thông tư này) để cơ quan thuế xác nhận làm căn cứ xác định không thu thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa, dịch vụ cung cấp trực tiếp cho phương tiện vận tải quốc tế. Khi bán hàng hóa, dịch vụ cho phương tiện vận tải quốc tế, cơ sở kinh doanh (cơ sở cung cấp hàng hóa, dịch vụ) phải yêu cầu cơ sở kinh doanh vận tải tại Việt Nam sử dụng phương tiện vận tải quốc tế cấp bản

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

đăng ký phương tiện vận tải quốc tế với cơ quan thuế (bản sao có xác nhận và đóng dấu của cơ sở sử dụng phương tiện vận tải quốc tế). Cơ sở cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho phương tiện vận tải quốc tế phải lập hóa đơn ghi rõ tên, số hiệu phương tiện vận tải quốc tế; số, ngày tờ khai phương tiện vận tải đến hoặc giấy cấp phép bay (đối với máy bay) trường hợp là phương tiện vận tải nước ngoài.

Cơ sở bán hàng hóa, dịch vụ phải lưu giữ bản sao Bản đăng ký nêu trên, hóa đơn bán hàng hóa dịch vụ, hợp đồng bán hàng hóa dịch vụ (nếu có), chứng từ thanh toán hàng hóa dịch vụ. Trường hợp bán qua đại lý, cơ sở bán hàng hóa dịch vụ phải có biên bản thanh toán công nợ giữa cơ sở và đơn vị đại lý, trong đó ghi rõ, tên, số lượng hàng hóa, dịch vụ bán cho phương tiện vận tải quốc tế; số và ngày bản đăng ký phương tiện vận tải quốc tế; tên và số hiệu phương tiện vận tải quốc tế; số ngày tờ khai tầu đến hoặc giấy phép bay (đối với máy bay) trường hợp là phương tiện vận tải nước ngoài; hóa đơn bán hàng hóa dịch vụ cho phương tiện vận tải quốc tế.

Trường hợp các phương tiện vận tải mới đầu tư mua sắm đưa vào sử dụng thì cơ sở kinh doanh vận tải tại Việt Nam căn cứ vào kế hoạch kinh doanh để xác định doanh thu vận tải quốc tế hoặc giờ bay quốc tế để đăng ký với cơ quan thuế theo hướng dẫn trên. Nếu khi xác định tỷ trọng doanh thu vận tải quốc tế hoặc giờ bay quốc tế năm trước không đảm bảo tỷ lệ trên 50% do lý do khách quan, như: bị tai nạn, hỏng hóc phải sửa chữa nhưng năm đăng ký hoạt động có kế hoạch tỷ trọng doanh thu vận tải quốc tế hoặc giờ bay quốc tế trên 50% thì doanh nghiệp phải giải trình cho cơ quan thuế rõ để làm thủ tục đăng ký phương tiện vận tải quốc tế.

2. Điểm 14, Mục II, Phần A về đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng đối với dịch vụ vệ sinh công cộng được sửa đổi, bổ sung như sau:

"14. Dịch vụ công cộng như vệ sinh, thoát nước; duy trì vườn thú, vườn hoa, công viên, cây xanh đường phố, chiếu sáng công cộng; dịch vụ tang lễ. Các dịch vụ này không phân biệt nguồn kinh phí chi trả.

Dịch vụ công cộng về vệ sinh, thoát nước đường phố bao gồm các hoạt động thu, dọn, xử lý rác và chất phế thải, thoát nước, xử lý nước thải cho các tổ chức, cá nhân không phân biệt nguồn kinh phí chi trả. Nếu cơ sở kinh doanh tận dụng chất phế thải để sản xuất ra sản phẩm khác để bán thì các sản phẩm này sẽ thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng theo hướng dẫn tại Mục II, Phần A Thông tư số 120/2003/TT-BTC hoặc chịu thuế giá trị gia tăng theo hướng dẫn tại Mục II, Phần B Thông tư số 120/2003/TT-BTC. Trường hợp cơ sở kinh doanh thực hiện các dịch vụ, như: lau dọn, vệ sinh văn phòng cho các tổ chức, cá nhân thì dịch vụ này thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng theo

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

thuế suất 10% hướng dẫn tại điểm 3.27, Mục II, phần B Thông tư số 120/2003/TT-BTC.

Duy trì vườn thú, công viên bao gồm hoạt động quản lý, trồng cây, chăm sóc, bảo vệ chim, thú, cây ở các công viên, vườn thú, khu vực công cộng, vườn quốc gia.

Dịch vụ tang lễ bao gồm các hoạt động cho thuê nhà, xe ôtô phục vụ tang lễ của các tổ chức làm dịch vụ tang lễ; mai táng, hỏa táng.

Các hoạt động có thu phí, lệ phí theo chế độ phí và lệ phí của Nhà nước thì khoản thu này không thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng."

3. Điểm 1, Mục II, Phần B về thuế suất thuế giá trị gia tăng 0% được sửa đổi, bổ sung như sau:

"1. Thuế suất 0%: áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, hoạt động xây dựng, lắp đặt các công trình ở nước ngoài và công trình của doanh nghiệp chế xuất. Hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu bao gồm cả hàng gia công xuất khẩu; hàng hóa bán cho cửa hàng miễn thuế; hàng hóa, dịch vụ không thuộc diện chịu thuế giá trị gia tăng xuất khẩu (trừ dịch vụ du lịch lữ hành ra nước ngoài; dịch vụ tái bảo hiểm ra nước ngoài; dịch vụ tín dụng, đầu tư tài chính, đầu tư chứng khoán ra nước ngoài và hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm 23, điểm 27, Mục II, Phần A Thông tư số 120/2003/TT-BTC).

- Hàng hóa xuất khẩu bao gồm xuất khẩu ra nước ngoài kể cả ủy thác xuất khẩu, bán cho doanh nghiệp chế xuất và các trường hợp được coi là xuất khẩu theo quy định của Chính phủ, như:

+ Hàng hóa gia công xuất khẩu chuyển tiếp theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 57/1998/NĐ-CP ngày 31/7/1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, gia công và đại lý mua bán hàng hóa với nước ngoài. Trường hợp này áp dụng đối với hàng gia công xuất khẩu của cơ sở trực tiếp gia công theo hợp đồng gia công cơ sở đã ký với bên nước ngoài (gọi là cơ sở giao hàng), nhưng hàng gia công chưa được xuất khẩu ra nước ngoài mà được giao chuyển tiếp cho cơ sở khác ở trong nước (gọi là cơ sở nhận hàng) theo chỉ định của bên nước ngoài để tiếp tục gia công thành sản phẩm hoàn chỉnh theo hợp đồng gia công đã ký với nước ngoài, tiền gia công do bên nước ngoài trực tiếp thanh toán.

+ Hàng hóa ủy thác gia công xuất khẩu. Trường hợp này là trường hợp cơ sở ký hợp đồng gia công trực tiếp với nước ngoài nhưng ký hợp đồng giao lại cho cơ sở khác gia công. Cơ sở ký hợp đồng gia công trực tiếp với nước ngoài chỉ hưởng hoa hồng trên tiền gia công.

+ Hàng hóa do doanh nghiệp tại Việt Nam sản xuất bán cho nước ngoài nhưng hàng hóa được giao cho doanh nghiệp khác tại Việt Nam theo chỉ định của phía nước ngoài (gọi tắt là hàng hóa xuất

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

khẩu tại chỗ) để làm nguyên liệu sản xuất, gia công hàng hóa xuất khẩu.

+ Hàng hóa xuất khẩu để bán tại hội chợ, triển lãm ở nước ngoài.

- Dịch vụ xuất khẩu và dịch vụ cung cấp cho doanh nghiệp chế xuất để sử dụng cho sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp chế xuất, trừ các dịch vụ sử dụng cho tiêu dùng cá nhân:

Dịch vụ xuất khẩu là dịch vụ được cung cấp trực tiếp cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài và được tiêu dùng ngoài lãnh thổ Việt Nam nếu có đủ điều kiện: cơ sở cung cấp dịch vụ phải có hợp đồng ký với người mua ở nước ngoài theo quy định của Luật thương mại; người mua nước ngoài thanh toán tiền dịch vụ cho cơ sở cung cấp dịch vụ tại Việt Nam."

4. Sửa đổi, bổ sung điểm 2.27, Mục II, Phần B như sau:

"2.27. Mủ cao su sơ chế như mủ cờ rếp, mủ tờ, mủ bún, mủ cốm."

5. Sửa đổi, bổ sung đoạn thứ ba sau điểm 3.27, Mục II, Phần B như sau:

Dịch vụ sửa chữa, bảo hành áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 10%. Riêng sửa chữa máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải là sản phẩm cơ khí; dịch vụ đăng kiểm các phương tiện và thiết bị ngành giao thông vận tải áp dụng thuế suất 5%.

6. Bổ sung vào điểm 1.2.c, Mục III, Phần B về xác định thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ đối với cơ sở sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng đánh bắt thủy hải sản có tổ chức sản xuất khép kín, hạch toán kết quả sản xuất kinh doanh tập trung có sử dụng sản phẩm ở các khâu sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp; nuôi trồng, đánh bắt thủy, hải sản làm nguyên liệu để tiếp tục sản xuất chế biến ra sản phẩm chịu thuế giá trị gia tăng (bao gồm sản phẩm nông, lâm, thủy sản chưa qua chế biến xuất khẩu hoặc sản phẩm đã qua chế biến thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng) như sau:

Cơ sở kinh doanh được kê khai, khấu trừ thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào phục vụ cho sản xuất kinh doanh ở tất cả các khâu: đầu tư xây dựng cơ bản, sản xuất, chế biến; trường hợp cơ sở có bán hàng hóa là sản phẩm nông, lâm, thủy hải sản chưa qua chế biến hoặc mới qua sơ chế thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng thì số thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào được tính khấu trừ theo tỷ lệ (%) doanh số hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng so với tổng doanh số của hàng hóa, dịch vụ bán ra. Việc kê khai nộp thuế giá trị gia tăng thực hiện tại Văn phòng trụ sở chính.

7. Bổ sung vào điểm 1.2d, Mục III, Phần B về điều kiện, thủ tục dịch vụ cung cấp cho doanh nghiệp chế xuất, hoạt động xây dựng, lắp đặt các công trình ở nước ngoài và công trình của doanh nghiệp chế xuất được khấu trừ, hoàn thuế giá trị gia tăng đầu vào như sau:

LawSoft Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

- Cơ sở cung cấp dịch vụ cho doanh nghiệp chế xuất, xây dựng, lắp đặt các công trình ở nước ngoài và công trình của doanh nghiệp chế xuất phải có Hợp đồng ký giữa cơ sở cung cấp dịch vụ và doanh nghiệp chế xuất, bên nước ngoài theo quy định của Luật Thương mại.

- Cơ sở cung cấp dịch vụ cho doanh nghiệp chế xuất; xây dựng, lắp đặt các công trình cho doanh nghiệp chế xuất phải thanh toán theo hướng dẫn tại điểm 1.2.d3, Mục III, Phần B Thông tư số 120/2003/TT-BTC.

8. Bổ sung vào điểm 2, Mục II, Phần C về kê khai nộp thuế giá trị gia tăng đối với một số trường hợp sau:

- Cơ sở kinh doanh làm đại lý bán hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng; cơ sở kinh doanh làm đại lý dịch vụ bưu điện, bảo hiểm, xổ số, bán vé máy bay theo đúng giá quy định của cơ sở giao đại lý hưởng hoa hồng thì không phải kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng đối với doanh thu hàng hóa, dịch vụ nhận bán đại lý và doanh thu hoa hồng đại lý được hưởng.

- Cơ sở kinh doanh có hoạt động xây dựng, lắp đặt các công trình ở khác địa phương nơi đóng Văn phòng trụ sở chính, có đơn vị phụ thuộc ở khác địa phương thuộc đối tượng nộp thuế giá trị gia tăng theo tỷ lệ % trên doanh thu, khi kê khai nộp thuế giá trị gia tăng tại Văn phòng trụ sở chính phải kê khai bổ sung trên bản giải trình tờ khai thuế giá trị gia tăng tháng về số tờ khai thuế giá trị gia tăng, số thuế giá trị gia tăng phải nộp, số chứng từ và số thuế giá trị gia tăng đã nộp tại địa phương nơi có công trình xây dựng, lắp đặt, nơi bán hàng để cơ quan thuế quản lý cơ sở kinh doanh có căn cứ tính số thuế giá trị gia tăng đã nộp, còn phải nộp hoặc nộp thừa. Khi quyết toán thuế giá trị gia tăng năm, cơ sở kinh doanh đồng thời phải có xác nhận của cơ quan thuế địa phương nơi có công trình xây dựng, lắp đặt, nơi bán hàng về số thuế giá trị gia tăng phát sinh phải nộp, số thuế giá trị gia tăng đã nộp.

9. Bổ sung vào điểm 3, Mục I, Phần D như sau:

Khi dự án đầu tư thành lập doanh nghiệp mới đã hoàn thành và hoàn tất các thủ tục về đăng ký kinh doanh, đăng ký nộp thuế, cơ sở kinh doanh là chủ dự án đầu tư phải tổng hợp số thuế giá trị gia tăng phát sinh, số thuế giá trị gia tăng đã hoàn, số thuế giá trị gia tăng chưa được hoàn của dự án để bàn giao cho doanh nghiệp mới thành lập để doanh nghiệp mới thực hiện kê khai, nộp thuế và đề nghị hoàn thuế giá trị gia tăng theo quy định với cơ quan thuế quản lý trực tiếp.

10. Bổ sung đoạn gạch đầu dòng thứ ba vào điểm 6, Mục I, Phần D như sau:

Trường hợp chủ dự án thuộc đối tượng được hoàn thuế không phải là cơ sở kinh doanh, không có chứng nhận đăng ký

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

kinh doanh thì chỉ được hoàn thuế khi có Quyết định thành lập Ban quản lý dự án và chủ dự án ủy quyền cho Ban quản lý dự án làm thủ tục hoàn thuế.

11. Thủ tục kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng:

a) Ban hành kèm theo Thông tư này tờ khai thuế giá trị gia tăng (mẫu số 01/GTGT), Bản giải trình tờ khai thuế giá trị gia tăng tháng mẫu số 01B/GTGT và mẫu tờ khai điều chỉnh thuế giá trị gia tăng năm (mẫu số 11/GTGT) thay thế mẫu tờ khai thuế giá trị gia tăng (mẫu số 01/GTGT) và mẫu quyết toán thuế giá trị gia tăng (mẫu số 11/GTGT) ban hành kèm theo Thông tư số 120/2003/TT-BTC.

b) Sửa đổi việc kê khai nộp thuế giá trị gia tăng đối với cơ sở kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khấu trừ, có hoạt động kinh doanh mua bán vàng, bạc, đá quý, ngoại tệ, nộp thuế theo phương pháp trực tiếp:

- Đối với hàng hóa dịch vụ tính thuế theo phương pháp khấu trừ, cơ sở kinh doanh lập tờ khai thuế giá trị gia tăng theo mẫu số 01/GTGT, 01B/GTGT, 11/GTGT ban hành kèm theo Thông tư này.

- Đối với hoạt động kinh doanh vàng, bạc, đá quý và ngoại tệ, cơ sở kinh doanh lập tờ khai thuế giá trị gia tăng theo mẫu số 07A/GTGT, 12A/GTGT ban hành kèm theo Thông tư số 120/2003/TT-BTC.

- Cơ sở kinh doanh đồng thời phải nộp cho cơ quan thuế tờ khai thuế giá trị gia tăng theo mẫu số 01/GTGT, 01B/GTGT, 11/GTGT, 07A/GTGT, 12A/GTGT, 12A/GTGT nêu trên.

- Số thuế giá trị gia tăng phải nộp của cơ sở kinh doanh trong kỳ được tổng hợp từ số thuế giá trị gia tăng phát sinh trên tờ khai thuế giá trị gia tăng mẫu số 01/GTGT, 07A/GTGT, 12A/GTGT. Trường hợp trên tờ khai thuế giá trị gia tăng theo mẫu số 01/GTGT có số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ hết, trên tờ khai thuế giá trị gia tăng theo mẫu số 07A/GTGT, 12A/GTGT có phát sinh số thuế giá trị gia tăng phải nộp, thì cơ sở kinh doanh không được bù trừ giữa số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ và số thuế giá trị gia tăng phải nộp.

12. Sửa đổi, bổ sung Mục IV, Phần C về quyết toán thuế như sau:

Cơ sở kinh doanh nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thực hiện lập và gửi tờ khai điều chỉnh thuế giá trị gia tăng năm (mẫu số 11/GTGT) cho cơ quan thuế.

Thời hạn cơ sở kinh doanh phải nộp tờ khai điều chỉnh thuế giá trị gia tăng năm cho cơ quan thuế chậm nhất không quá 60 ngày kể từ ngày 31/12 của năm điều chỉnh. Số liệu điều chỉnh thuế giá trị gia tăng trên tờ khai điều chỉnh thuế giá trị gia tăng năm cơ sở kinh doanh sử dụng để điều chỉnh vào tờ khai thuế giá trị gia tăng tháng 2 năm sau. Trường hợp cơ sở kinh doanh lập tờ khai điều chỉnh chậm so với thời gian quy định nêu trên, thì cơ sở kinh doanh điều chỉnh

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

vào tờ khai thuế giá trị gia tăng của tháng cơ sở kinh doanh hoàn thành tờ khai điều chỉnh thuế giá trị gia tăng năm.

Cơ sở kinh doanh sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản, chuyển đổi sở hữu; chuyển đổi hình thức công ty thực hiện kê khai thuế giá trị gia tăng theo mẫu số 01/GTGT và tờ khai điều chỉnh thuế giá trị gia tăng năm theo mẫu số 11/GTGT gửi cho cơ quan thuế trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày có quyết định sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản, chuyển đổi sở hữu; chuyển đổi hình thức công ty.

Cơ sở kinh doanh phải chịu trách nhiệm về tính đúng đắn của số liệu trên tờ khai điều chỉnh thuế giá trị gia tăng năm, nếu cơ sở kinh doanh báo cáo sai để trốn, lậu thuế sẽ bị xử phạt theo quy định của pháp luật.

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Các trường hợp từ ngày 01 tháng 01 năm 2004, cơ sở kinh doanh cung cấp dịch vụ cho doanh nghiệp chế xuất nếu có đầy đủ thủ tục theo hướng dẫn tại Thông tư này, đã tính thuế giá trị gia tăng, lập hóa đơn giá trị gia tăng, thanh toán theo giá có thuế giá trị gia tăng và kê khai nộp thuế giá trị gia tăng thì cơ sở kinh doanh và doanh nghiệp chế xuất lập biên bản điều chỉnh giá thanh toán theo thuế suất thuế giá trị gia tăng 0%, hóa đơn giá trị gia tăng để điều chỉnh lại thuế giá trị gia tăng đã kê khai cho các hóa đơn này.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các đơn vị phản ánh về Bộ Tài chính để hướng dẫn bổ sung./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Thứ trưởng

Trương Chí Trung

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: 01/GTGT

Ngày nộp tờ khai:
...../...../.....

(Dùng cho cơ sở tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)

TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (GTGT)

[01] Kỳ kê khai:.....(tháng).....(năm)

(Ban hành kèm theo Thông tư số 84/2004/TT-BTC ngày 18/8/2004 của Bộ Tài chính)

[02] Mã số thuế		**Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam**
[03] Tên cơ sở kinh doanh:		
[04] Địa chỉ trụ sở:	**[05] Quận/huyện:**	**[06] Tỉnh/thành phố:**
[07] Điện thoại:	**[08] Fax:**	**[09] E-Mail:**

Không có hoạt động mua, bán phát sinh trong kỳ (đánh dấu "X")	[10]	
Thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang:		[11]

	Giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào (chưa có thuế GTGT)	Thuế GTGT
Hàng hóa dịch vụ mua vào trong kỳ	[12]	[24]
Trong đó: + Nhập khẩu	[13]	[25]
+ Tài sản cố định	[14]	[26]
Thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ mua vào được tính khấu trừ trong kỳ		[27]
Điều chỉnh tăng (giảm) thuế GTGT đã được khấu trừ các kỳ trước:		
+ Điều chỉnh tăng	[15]	[28]
+ Điều chỉnh giảm	[16]	[29]
Tổng số thuế GTGT được khấu trừ [30] = [11] + [27] + [28] - [29]		[30]
Hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ: [17] = [18] + [19] + [20] + [21]	[17]	
Thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ: [31] = [32]+ [33]		[31]
Hàng hóa dịch vụ bán ra không chịu thuế GTGT	[18]	
Hàng hóa dịch vụ xuất khẩu 0%	[19]	
Hàng hóa dịch vụ bán ra thuế suất 5%	[20]	[32]
Hàng hóa dịch vụ bán ra thuế suất 10%	[21]	[33]
Điều chỉnh tăng (giảm) thuế GTGT đầu ra đã kê khai các kỳ trước:		
+ Điều chỉnh tăng	[22]	[34]
+ Điều chỉnh giảm	[23]	[35]
Thuế GTGT phải nộp vào ngân sách nhà nước trong kỳ ([36] = [31] + [34] - [35] - [30] > 0)		[36]

Thuế GTGT chưa khấu trừ lũy kế đến cuối kỳ để kết chuyển kỳ sau khấu trừ hoặc lập hồ sơ hoàn thuế ([37] = [31] + [34] - [35] - [30] < 0)		[37]
Hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho dự án đầu tư đang trong giai đoạn XDCB, chưa thành lập doanh nghiệp, chưa đăng ký kinh doanh, chưa đăng ký thuế	[38]	[39]

PHẦN DÀNH CHO CƠ QUAN THUẾ:	**Tôi cam đoan số liệu kê khai trên là đúng và xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã kê khai.** ....., ngày ..... tháng ..... năm 200... Ký tên, đóng dấu (ghi rõ họ tên và chức vụ)

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

HƯỚNG DẪN LẬP TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (GTGT)

A. MỘT SỐ QUY ĐỊNH KHI LẬP TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

1. "GTGT" là các ký tự viết tắt của từ "giá trị gia tăng".
2. CSKD là các ký tự viết tắt của từ "cơ sở kinh doanh".
3. Số tiền ghi trên tờ khai làm tròn đến đơn vị tính là Đồng Việt Nam. Không ghi số thập phân trên tờ khai thuế GTGT.
4. Các số liệu ghi trên tờ khai không được ghi số âm (có dấu - đằng trước).

B. HƯỚNG DẪN LẬP TỜ KHAI THUẾ GTGT

1. Từ chỉ tiêu [01] đến chỉ tiêu [09]: CSKD ghi đúng kỳ kê khai thuế và các thông tin đã đăng ký thuế với cơ quan thuế. Nếu có thay đổi các thông tin từ chỉ tiêu [02] đến chỉ tiêu [09], CSKD phải thực hiện đăng ký thuế bổ sung với cơ quan thuế theo quy định hiện hành.

2. Chỉ tiêu [10] "Không có hoạt động mua, bán HHDV phát sinh trong kỳ": Nếu CSKD trong kỳ kê khai không có các hoạt động mua, bán hàng hóa dịch vụ thì đánh dấu "X" vào ô số 10 này, đồng thời không phải điền số liệu cho các chỉ tiêu trong kỳ (các chỉ tiêu [12], [13], [14], [17], [18], [19], [20], [21], [24], [25], [26], [27], [31], [32], [33].

3. Chỉ tiêu [11] "Thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang": **Giá** trị của chỉ tiêu này bằng ô số [37] của tờ khai kỳ trước. Trường hợp trong kỳ cơ sở đã lập hồ sơ hoàn thuế cho số thuế GTGT chưa được khấu trừ của kỳ trước chuyển sang thì chỉ tiêu 11 không ghi.

4. Chỉ tiêu [12] "Hàng hóa, dịch vụ mua vào trong kỳ": Là toàn bộ giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào trong kỳ có hóa đơn GTGT (kể cả hóa đơn đặc thù), hóa đơn bán hàng và các chứng từ khác; trường hợp hàng hóa, dịch vụ mua vào chịu thuế GTGT có hóa đơn bán hàng thì giá mua kê theo giá bán ghi trên hóa đơn bán hàng; tương ứng là ô số [24] - Toàn bộ số thuế GTGT ghi trên hóa đơn GTGT và hóa đơn đặc thù đã được tính và kê khai tại Bảng kê số 03/GTGT của hàng hóa, dịch vụ mua vào trong kỳ.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

5. Chỉ tiêu [13] "hàng hóa nhập khẩu", [14] - "Tài sản cố định mua vào": Là các kê khai chi tiết cho các giá trị hàng hóa nhập khẩu, tài sản cố định nhập khẩu, mua vào chưa có thuế GTGT và tương ứng là ô số [25], [26] - thuế GTGT của hàng hóa nhập khẩu, tài sản cố định nhập khẩu, mua vào. Cơ sở kinh doanh bỏ trống các chỉ tiêu này nếu không có các loại hàng hóa, dịch vụ mua vào như trên phát sinh trong kỳ kê khai.

6. Chỉ tiêu [27]: "Thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ mua vào được tính khấu trừ trong kỳ".

Bao gồm thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ mua vào sử dụng cho sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT có hóa đơn GTGT, hóa đơn đặc thù giá bán đã có thuế GTGT (trừ hóa đơn bán hàng), chứng từ đã nộp thuế GTGT ở khâu nhập khẩu. Đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào sử dụng hóa đơn đặc thù đã có thuế GTGT, cơ sở kinh doanh kê khai chi tiết trên Bảng kê số 03/GTGT phải tính tách riêng giá bán chưa cả thuế GTGT, thuế GTGT.

Trường hợp cơ sở kinh doanh vừa sản xuất, kinh doanh mặt hàng chịu thuế GTGT, vừa sản xuất, kinh doanh mặt hàng không chịu thuế GTGT thì phải hạch toán riêng thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ mua vào dùng cho sản xuất kinh doanh mặt hàng chịu thuế và mặt hàng không chịu thuế. Trường hợp không hạch toán được riêng thì tính phân bổ theo tỷ lệ (%) giữa doanh số của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT bán ra so với tổng doanh số của hàng hóa, dịch vụ bán ra. Cơ sở kinh doanh phải giải trình căn cứ phân bổ và số thuế GTGT phân bổ được khấu trừ tại Bản giải trình tờ khai thuế GTGT theo mẫu số 01B/GTGT.

7. Chỉ tiêu "Điều chỉnh tăng, giảm thuế GTGT được khấu trừ kỳ trước": được điều chỉnh cho những sai sót kỳ kê khai trước chưa phát hiện đã kê khai khấu trừ, điều chỉnh thuế GTGT đầu vào đã lập hồ sơ đề nghị hoàn thuế nhưng không được hoàn phải kết chuyển sang kỳ sau khấu trừ (nếu có), điều chỉnh thuế GTGT đầu vào theo quyết định xử lý sau kiểm tra, thanh tra tại cơ sở của cơ quan chức năng. Điều chỉnh tăng ghi vào ô số [28], điều chỉnh giảm ghi vào ô số [29]. Nếu điều chỉnh thuế GTGT gắn với giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào không có thuế GTGT thì điều chỉnh vào ô số [15], [16].

8. Chỉ tiêu [30] "Tổng số thuế GTGT được khấu trừ":

[30] = [11]+ [27] + [28] - [29]

Chỉ tiêu điều chỉnh giảm [29] ghi trừ theo số tuyệt đối.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

9. Chỉ tiêu [17] "Hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ":

[17] = [18] + [19]+ [20]+ [21]

10. Chỉ tiêu [31] "Thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ":

[31] = [32]+ [33]

Trường hợp hàng hóa, dịch vụ bán ra sử dụng hóa đơn đặc thù giá bán đã có thuế GTGT thì cơ sở kinh doanh phải kê khai trên Bảng kê số 02/GTGT sau khi đã tách riêng giá bán chưa có thuế GTGT và thuế GTGT.

11. Chỉ tiêu [18] "Hàng hóa, dịch vụ bán ra không chịu thuế GTGT": Giá trị hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

12. Chỉ tiêu [19] "Hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu: 0%": Giá trị hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu trong kỳ.

13. Chỉ tiêu [20], [21]: Giá trị hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ áp dụng thuế suất 5%, 10% chưa có thuế GTGT theo hóa đơn GTGT (kể cả hóa đơn đặc thù). Trường hợp hàng hóa bán ra sử dụng hóa đơn đặc thù thì ghi theo giá bán chưa có thuế GTGT đã tính và kê khai trên Bảng kê số 02/GTGT, thuế GTGT ghi tương ứng vào ô số [32], [33].

14. Chỉ tiêu: "Điều chỉnh tăng, giảm thuế GTGT đầu ra đã kê khai các kỳ trước". Chỉ tiêu này để điều chỉnh cho những sai sót các kỳ kê khai trước khi kê khai nộp thuế GTGT chưa phát hiện ra hoặc bỏ sót, điều chỉnh thuế GTGT đầu ra theo quyết định xử lý sau kiểm tra, thanh tra tại cơ sở của cơ quan chức năng, điều chỉnh thuế GTGT đầu ra theo tờ khai điều chỉnh thuế GTGT năm. Điều chỉnh tăng ghi vào ô số [34], điều chỉnh giảm ghi vào ô số [35]. Nếu điều chỉnh thuế GTGT gắn với giá trị hàng hóa, dịch vụ bán ra thì điều chỉnh vào ô số [22], ô số [23]. Cơ sở kinh doanh bỏ trống các chỉ tiêu này nếu không có điều chỉnh nào cho kê khai các kỳ trước.

Tính kết quả thuế GTGT trong kỳ:

15. Chỉ tiêu [36]: "Thuế GTGT phải nộp vào ngân sách nhà nước trong kỳ":

[36] = [31] + [34] - [35] - [30] > 0

Chỉ tiêu điều chỉnh giảm thuế GTGT đầu ra [35] ghi theo số tuyệt đối.

16. Chỉ tiêu [37]: "Thuế GTGT chưa khấu trừ lũy kế đến cuối kỳ để kết chuyển kỳ sau khấu trừ hoặc lập hồ sơ hoàn thuế":

[37] = [31] + [34] - [35] - [30] < 0

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Trường hợp cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng được hoàn thuế GTGT thì lập hồ sơ đề nghị hoàn thuế GTGT. Nếu số thuế GTGT chưa khấu trừ hết kỳ này cơ sở kinh doanh đã đưa vào hồ sơ đề nghị hoàn thuế GTGT thì sẽ không đưa vào chỉ tiêu số 11 "thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang" của tờ khai thuế GTGT kỳ tiếp sau.

17. Chỉ tiêu [38]: Giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào không có thuế GTGT sử dụng cho dự án đầu tư đang trong giai đoạn XDCB, chưa thành lập doanh nghiệp, chưa đăng ký kinh doanh, chưa đăng ký thuế.

18. Chỉ tiêu [39]: Thuế GTGT của hàng hóa dịch vụ mua vào sử dụng cho dự án đầu tư đang trong giai đoạn XDCB, chưa thành lập doanh nghiệp, chưa đăng ký kinh doanh, chưa đăng ký thuế.

Chỉ tiêu này kê khai riêng. Khi đến kỳ được hoàn thuế (tháng, quý, năm), cơ sở kinh doanh lập hồ sơ hoàn thuế riêng cho dự án.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com
09638708

MẪU SỐ 01B/GTGT

BẢN GIẢI TRÌNH TỜ KHAI THUẾ GTGT THÁNG..... NĂM.....

(Ban hành kèm theo Thông tư số 84/2004/TT-BTC ngày 18/8/2004 của Bộ Tài chính)

1. Giải trình về các nội dung điều chỉnh trên tờ khai, như: điều chỉnh tăng, giảm thuế GTGT đầu ra, thuế GTGT đầu vào (nếu có); lý do điều chỉnh.

2. Giải trình căn cứ phân bổ thuế GTGT đầu vào được khấu trừ trong trường hợp phân bổ theo tỷ lệ (%) doanh số bán hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT trên tổng doanh số bán hàng hóa, dịch vụ trong kỳ (nếu có)

3. Giải trình về số thuế GTGT đã nộp trong kỳ (nộp ở khâu kinh doanh trong nước):

- Tổng số thuế GTGT đã nộp trong kỳ:

Trong đó:

+ Số thuế GTGT đã nộp cho số thuế GTGT tồn đọng kỳ trước chuyển sang; hoặc số thuế nộp thừa kỳ trước.

+ Số thuế GTGT đã nộp cho số thuế GTGT phát sinh kỳ này, trong đó: số thuế GTGT đã nộp theo tỷ lệ % (2% hoặc 3%) cho các đơn vị phụ thuộc hoặc công trình xây dựng ở khác địa phương nơi đóng trụ sở chính, ghi rõ số tờ khai, chứng từ và số tiền thuế đã nộp (kèm theo bản sao có chữ ký của người đại diện hợp pháp doanh nghiệp và đóng dấu của doanh nghiệp)

4. Thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ mua vào phục vụ cho dự án đầu tư thành lập doanh nghiệp mới, đang trong giai đoạn đầu tư XDCB, chưa thành lập doanh nghiệp, chưa đăng ký kinh doanh.

Số thuế GTGT này cơ sở kinh doanh không kê khai vào số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ trong tờ khai thuế GTGT tháng. Cơ sở kinh doanh lập số liệu kê khai riêng trên Bảng kê số 03/GTGT - thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ mua vào phục vụ cho dự án đầu tư mới đang trong giai đoạn XDCB, chưa thành lập doanh nghiệp.

5. Về hoàn thuế GTGT:

- Số thuế GTGT đã lập hồ sơ gửi cơ quan thuế trong kỳ ghi rõ của kỳ hoàn thuế tháng nào. Trong đó ghi rõ số thuế nộp thừa.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

- Số thuế GTGT đã hoàn trong kỳ:

+ Của hồ sơ hoàn thuế đã lập gửi các kỳ trước (ghi rõ theo hồ sơ và kỳ hoàn thuế)

+ Của hồ sơ hoàn thuế lập trong kỳ (Ghi rõ theo hồ sơ hoàn thuế).

- Số thuế GTGT còn chưa được hoàn:

+ Của hồ sơ hoàn thuế đã lập gửi cơ quan thuế các kỳ trước.

+ Của hồ sơ đã lập gửi cơ quan Thuế trong kỳ.

Trường hợp cơ sở có dự án đầu tư mới, đang trong giai đoạn đầu tư XDCB, chưa thành lập doanh nghiệp, chưa đăng ký kinh doanh và đăng ký nộp thuế, cơ sở kinh doanh phải giải trình chi tiết việc hoàn thuế riêng cho dự án.

6. Giải trình các nội dung khác (nếu có):

7. Các kiến nghị của doanh nghiệp (nếu có).

....., ngày.....tháng.... năm.....
Ký tên, đóng dấu
(ghi rõ họ tên và chức vụ)

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09638708

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: 11/GTGT

Ngày nộp tờ khai:
...../...../.....

(Dùng cho cơ sở tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)

TỜ KHAI ĐIỀU CHỈNH THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG NĂM
Năm 200...
(Ban hành kèm theo Thông tư số 84/2004/TT-BTC ngày 18/8/2004 của Bộ Tài chính)

Mã số thuế		**Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam**
Tên cơ sở kinh doanh:		
Địa chỉ trụ sở:	**Quận/huyện:**	**Tỉnh/thành phố:**
Điện thoại:	**Fax:**	**E-Mail:**

1. Điều chỉnh tăng (giảm) thuế GTGT đã được khấu trừ trong năm:

+ Điều chỉnh tăng
+ Điều chỉnh giảm

Giải trình rõ từng nội dung điều chỉnh, căn cứ và lý do điều chỉnh số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ trong năm

2. Điều chỉnh tăng (giảm) thuế GTGT đầu ra đã kê khai trong năm:

+ Điều chỉnh tăng
+ Điều chỉnh giảm

Giải trình rõ từng nội dung điều chỉnh, căn cứ và lý do điều chỉnh số thuế GTGT đầu ra trong năm

3. Hoàn thuế:

- Số thuế GTGT lập hồ sơ đề nghị hoàn thuế gửi đến cơ quan thuế trong năm
- Số thuế GTGT đã được hoàn:

+ Số thuế GTGT đã được hoàn của hồ sơ hoàn thuế năm trước
+ Số thuế GTGT đã được hoàn của hồ sơ hoàn thuế lập trong năm

- Số thuế GTGT đã lập hồ sơ hoàn thuế chưa được hoàn:

+ Của hồ sơ năm trước
+ Của hồ sơ lập trong năm

Trường hợp có hoàn thuế GTGT cho dự án đầu tư nếu đang trong giai đoạn XDCB chưa thành lập doanh nghiệp, chưa đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế thì cơ sở kinh doanh phải báo cáo giải trình chi tiết hoàn thuế cho dự án

4. Giải trình các nội dung khác liên quan đến việc kê khai nộp thuế GTGT trong năm:

PHẦN DÀNH CHO CƠ QUAN THUẾ:	**Tôi cam đoan số liệu kê khai trên là đúng và xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã kê khai.** ....., ngày ..... tháng ..... năm 200... Ký tên, đóng dấu (ghi rõ họ tên và chức vụ)

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Số:...../CT-ĐKPTVTQT
(Số do cơ quan Thuế cấp)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ VỀ
DANH SÁCH CÁC PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI QUỐC TẾ (PTVT QUỐC TẾ)

(Ban hành kèm theo Thông tư số 84/2004/TT-BTC ngày 18/8/2004 của Bộ Tài chính)

Tên cơ sở kinh doanh vận tải:
Mã số thuế:
Địa chỉ trụ sở:
Điện thoại: Fax:..... E-Mail:.....

Số thứ tự	Tên PTVT có tham gia vận tải quốc tế	Số hiệu PTVT	Doanh thu (số giờ bay) của PTVT tham gia vận tải quốc tế năm trước (hoặc theo kế hoạch kinh doanh đối với PTVT mới đầu tư)			Tỷ trọng doanh thu (số giờ bay) về vận tải quốc tế trên tổng doanh thu (tổng số giờ bay) của PTVT (%)
			Tổng doanh thu (tổng số giờ bay)	Doanh thu (số giờ bay) về vận tải nội địa	Doanh thu (số giờ bay) về vận tải quốc tế	
1	2	3	4	5	6	7 = 6/4
1.	.....					
2.	.....					
3.	.....					
...	.....					

..., ngày... tháng... năm ... **Xác nhận của cơ quan Thuế**	Tôi cam đoan số liệu kê khai trên là đúng và xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã kê. *....., ngày..... tháng..... năm 200..* **Người đại diện pháp luật ký tên, đóng dấu** *(Ghi rõ họ tên và chức vụ)*

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 0963633708

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN
Điện thoại: 8233947
In tại Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng